

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 01 - 2018

V/v: Tranh chấp “Ly hôn, nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Lợi.

2. Ông Huỳnh Hoàng Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 383/2017/TLST - HNGĐ, ngày 23 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2017/QĐXX-ST, ngày 08 tháng 11 năm 2017.
Giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Thị Ngọc H, sinh năm: 1989; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh K; có mặt.

1. *Bị đơn:* Anh Danh M, sinh năm: 1981; địa chỉ cư trú: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh K; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Thị Ngọc H trình bày:

Chị và anh Danh M được mai mối mới mới quen biết nhau và đã tổ chức đám cưới vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh K vào ngày 23/4/2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp tánh tình, bất

đồng quan điểm thường xuyên cãi vã nhau. Anh M không quan tâm chăm sóc vợ con mà chỉ lo ăn chơi, cờ bạc. Mặc dù, anh chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị và anh M đã sống ly thân từ tháng 7/2014 cho đến nay. Trong quá trình chung sống chị và anh M có 01 con chung tên Danh Thị Mỹ N, sinh ngày: 10/01/2007. Hiện con đang chung sống với chị, do chị chăm sóc và nuôi dưỡng. Về tài sản, nợ chung: Không có.

Nay chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Danh M. Về con chung: Chị H yêu cầu được quyền chăm sóc và nuôi dưỡng con tên Danh Thị Mỹ N, sinh ngày: 10/01/2007, yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Anh M đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập anh M đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh M vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Danh M và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS). Anh M với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Tà Yểm, xã Bàn Thạch, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của anh không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh M là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh M kết hôn vào năm 2006 và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tà Yểm, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Xét thấy, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2014, từ đó cho đến nay hai bên không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị H yêu cầu được ly hôn với anh M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh, chị có một đứa con chung tên Danh Thị Mỹ N, sinh ngày 10/01/2007, cháu N đang sống chung với chị H. Xét thấy, dưới sự chăm sóc, giáo dục của chị H hiện nay cháu N đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường. Chị H có việc làm và có thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N. Mặc khác, tại bản tự khai ngày 11/02/2017 cháu N có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với chị H khi cha, mẹ ly hôn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Đối chiếu với quy định trên thì yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N của chị H là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*. Do đó, chị H yêu cầu anh M phải có nghĩa vụ nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

Về mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng:

Tại khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình về mức cấp dưỡng quy định: *“Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”*. Tại Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình về phương thức cấp dưỡng quy định: *“Việc cấp*

đường có thể được thực hiện định kỳ hàng tháng, hàng quý, nửa năm, hàng năm hoặc một lần”.

Anh M không tham dự phiên tòa nên các bên không tự thỏa thuận được mức cấp dưỡng nuôi con nên mức cấp dưỡng nuôi con sẽ do Tòa án quyết định. Theo lời trình bày của chị H thì anh M đi ghe biển nên có thu nhập không ổn định, chị H thì có việc làm nhưng thu nhập không cao. Do đó, để đảm bảo cho cuộc sống của cháu Ngân, anh M và cả chị H thì mức cấp dưỡng mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở hiện nay là phù hợp. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang thì mức lương cơ bản hiện nay là 1.300.000 đồng/ tháng. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình buộc anh M phải cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng là 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, trừ trường hợp thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 11/01/2018 (dl), mỗi tháng cấp dưỡng một lần, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về tài sản và nợ chung: Chị H xác định không có nên HĐXX không giải quyết.

[5] Về án phí:

Chị H yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0008370 ngày 23/11/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh M phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo đình kỳ là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82, Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thị Ngọc H được ly hôn với anh Danh M.

2. Về con chung:

Giao cháu Danh Thị Mỹ N, sinh ngày: 10/01/2007 cho chị H tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh Danh M có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cấm.

Anh M phải cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng là 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, trừ trường hợp thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 11/01/2018 (dl), mỗi tháng cấp dưỡng một lần, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Chị H yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0008370 ngày 23/11/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh M phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

Lê Cẩm Tú